TỈNH ỦY LÀO CAI * Số 88 -NQ/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Lào Cai, ngày 13 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, công tác phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Lào Cai đã được các cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng qua các năm. Năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn tỉnh đạt 70%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 25,3%; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức các cấp có trình độ đại học trở lên đạt 85% và từng bước được chuẩn hóa về trình độ, năng lực; giáo dục và đào tạo phát triển toàn diện, quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo tiếp tục được củng cố, sắp xếp; chất lượng giáo dục được nâng lên, đặc biệt là giáo dục vùng cao, giáo dục vùng dân tộc thiểu số; giáo dục nghề nghiệp từng bước đáp ứng nhu cầu thị trường lao động; ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm thu hút, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu nhân lực trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nguồn nhân lực của tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế như: Năng suất, chất lượng lao động còn chưa đáp ứng tốt yêu cầu, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm, tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp còn cao, thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong các lĩnh vực mũi nhọn, công nghệ, chuyển đổi số; chất lượng nguồn nhân lực giữa các vùng còn chênh lệch; tình trạng thiếu hụt và khó thu hút nhân lực vẫn diễn ra, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới; công tác đào tạo chưa gắn chặt với nhu cầu thị trường lao động, doanh nghiệp; hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực chưa cao; công tác phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài chưa có đột phá.

Nguyên nhân chủ yếu do đặc thù là tỉnh miền núi, lao động chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn, nông nghiệp; số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, quy mô sử dụng lao động thấp; một số cấp ủy, chính quyền địa phương còn chưa quan tâm đúng mức công tác

nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp chưa thật sự chặt chẽ, chưa đáp ứng tốt nhu cầu thị trường lao động, thông tin thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực còn hạn chế; chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực chất lượng cao chưa đủ cạnh tranh, chưa thu hút được nhân lực chất lượng cao ngoài tỉnh về tỉnh làm việc, đồng thời không giữ được nguồn nhân lực chất lượng cao tại chỗ.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch, dịch vụ và chuyển đổi số, nhu cầu sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh được dự báo tiếp tục tăng cao. Dự kiến đến năm 2030, nhu cầu sử dụng lao động tăng thêm khoảng 150.000 người, trong đó lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 25.000 người; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng khoảng 70.000 người; lĩnh vực du lịch, thương mại và dịch vụ khoảng 55.000 người. Nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế quốc tế, phát triển theo hướng xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030 với những nội dung cụ thể như sau:

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; là một trong những khâu đột phá chiến lược, có ý nghĩa quyết định đối với phát triển nhanh và bền vững của tỉnh. Phát triển nguồn nhân lực phải gắn chặt với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bám sát yêu cầu của các trụ cột kinh tế, các ngành, lĩnh vực ưu tiên; thích ứng với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Lấy con người là trung tâm, là động lực, là mục tiêu phát triển. Thu hút, trọng dụng nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng cống hiến; phát huy sức mạnh văn hóa, con người Lào Cai thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển.

Phát triển nguồn nhân lực là một trong ba khâu đột phá chiến lược của tỉnh, tập trung vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, cán bộ cấp xã có chuyên môn, kỹ năng, tư duy, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Thu hút, tạo đột phá về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực lao động khu vực ngoài quốc doanh, xây dựng đội ngũ

doanh nghiệp, doanh nhân lớn mạnh trong sản xuất, chế biến, thương mại, dịch vụ; thu hút chuyên gia, nhà khoa học phục vụ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực tỉnh Lào Cai có lợi thế.

Phát triển nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác này phải được triển khai đồng bộ, toàn diện từ giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo đại học đến bồi dưỡng, sử dụng và phát triển đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Việc phát triển nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số cần gắn chặt với giảm nghèo bền vững, nâng cao dân trí, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh biên giới.

Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo - sử dụng - thu hút - đãi ngộ; phát huy vai trò của Nhà nước, doanh nghiệp và toàn xã hội; bảo đảm công bằng trong tiếp cận cơ hội phát triển nguồn nhân lực.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai có chất lượng, cơ cấu hợp lý, kỹ năng hiện đại, có khả năng thích ứng nhanh với chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, phù hợp với nhu cầu sử dụng, góp phần nâng cao năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động; chú trọng phát triển nhân lực chất lượng cao, nhân lực trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nhân lực nông thôn, nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và yêu cầu hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.2.1. Về giáo dục phổ thông

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; 100% xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xoá mù chữ mức độ 2.

- Có ít nhất 90% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học lên trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên; tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%.

- Có ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành trung học phổ thông và tương đương; giảm mạnh chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các vùng.

- Có 10% số học sinh là người dân tộc thiểu số cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông được học trong trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông nội trú; 100% trường nội trú đạt chuẩn theo quy định.

- Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 85%. Xây dựng Trường Cao đẳng nghề Yên Bái, Trường Cao đẳng Lào Cai và Trường trung cấp Dân tộc nội trú Nghĩa Lộ đạt chuẩn quốc gia; toàn tỉnh có 30 trường trọng điểm chất lượng. Tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa đạt 100%.

- Chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,65 điểm.

2.2.2. Về giáo dục nghề nghiệp

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động đã đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030 giảm xuống còn dưới 42%; bình quân mỗi năm giải quyết việc làm mới cho trên 30.000 lao động; bình quân mỗi năm chuyển dịch 1,7% lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, tương ứng với khoảng 7.000 lao động/năm.

- Tỷ lệ người học nghề có việc làm sau 6-12 tháng tốt nghiệp đạt từ 80%.

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động qua đào tạo đạt 70%.

- 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai hiệu quả mô hình "đào tạo kép", "đào tạo tại doanh nghiệp".

- Tốc độ tăng năng suất lao động tăng bình quân trên 6,5%/năm.

2.2.3. Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Phấn đấu tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh có trình độ trên đại học đạt từ 30% trở lên; tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ trên đại học đạt từ 15% trở lên.

- Phấn đấu từ 20% công chức, viên chức có khả năng giao tiếp cơ bản bằng ngoại ngữ; từ 3% công chức, viên chức có đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế.

- Tỷ lệ trẻ hóa đội ngũ cán bộ, công chức (dưới 42 tuổi):

+ Phấn đấu từ 10% trở lên cán bộ trẻ tham gia cấp ủy cấp tỉnh; từ 20% trở lên cán bộ trẻ tham gia cấp ủy cấp xã; từ 20% trở lên cán bộ trẻ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên. Trong đó, từ 3% trở lên đối với cán bộ nữ; từ 5% trở lên đối với cán bộ là người dân tộc thiểu số.

+ Phấn đấu từ 15% cán bộ trẻ được quy hoạch chức danh lãnh đạo cấp phòng trở lên; trong đó đạt từ 25% trở lên là nữ và từ 30% trở lên là người dân tộc thiểu số.

- Duy trì tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy tỉnh đạt từ 30% trở lên; tỷ lệ trung bình cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy các

xã, phường vùng thấp đạt từ 20% đến 30%, các xã vùng cao trung bình từ 50% trở lên tương xứng phù hợp với cơ cấu tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số ở từng địa phương; phấn đấu tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên đạt tỷ lệ trên 30%.

- Phấn đấu tỷ lệ cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ tham gia cấp ủy đạt từ 10 - 15%[1].

- 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo quy định. 100% công chức cấp tỉnh, cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm và bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Phấn đấu 100% cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng số cơ bản; hình thành lực lượng nòng cốt về chuyển đổi số (cán bộ công nghệ thông tin, an ninh mạng).

- Phấn đấu từ 80% cán bộ trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp ủy cấp tỉnh, cấp xã được đào tạo trình độ lý luận chính trị trung cấp, cao cấp.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 95%.

2.2.4. Đào tạo nhân lực chất lượng cao

- Cử 150-200 lượt cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức trẻ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm tại các nước phát triển trên thế giới về các lĩnh vực trọng điểm, then chốt và cấp thiết của tỉnh như: chuyển đổi số; công nghệ thông tin; quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch, quản trị và vận hành chính quyền hiện đại...

- Phấn đấu thu hút khoảng 400 nhân lực chất lượng cao trình độ đại học trở lên, gồm sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc; thạc sĩ; tiến sĩ; chuyên gia trong các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh như công nghệ thông tin, AI, y tế, du lịch, logistics cửa khẩu, đối ngoại, nông nghiệp và công nghiệp chế biến; trong đó có ít nhất 05 người thuộc đối tượng thu hút, trọng dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Nâng cao tỷ lệ bác sỹ có trình độ sau đại học, đặc biệt là chuyên khoa I, thạc sỹ tại tuyến xã, khu vực; phấn đấu đến năm 2030, có trên 70% bác sĩ có trình độ sau đại học và đạt 15,5 bác sĩ/10.000 dân.

---

[1] Theo Kết luận số 61-KL/TW ngày 29/6/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về trọng tâm công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và những vấn đề mới, lớn, khó, có tác động lâu dài trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác cán bộ.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền về phát triển nguồn nhân lực

Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội về vị trí, vai trò của nguồn nhân lực đối với phát triển nhanh và bền vững của tỉnh. Xác định phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, lĩnh vực, địa phương; gắn phát triển nguồn nhân lực với cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành, lĩnh vực có lợi thế, động lực tăng trưởng của tỉnh.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực; hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, sử dụng và phát triển nhân tài; tăng cường liên kết giữa Nhà nước, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng công tác dự báo nhu cầu nhân lực, thông tin thị trường lao động, điều tiết quy mô, cơ cấu và ngành nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp trong tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội; thúc đẩy phong trào học tập suốt đời, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội tham gia phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông, tạo nền tảng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Phát triển giáo dục phổ thông theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập và hạnh phúc, lấy người học làm trung tâm, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, tạo nền tảng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh. Tiếp tục sắp xếp mạng lưới trường, lớp phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và điều kiện thực tiễn; kiên trì thực hiện quan điểm "ở đâu có học sinh, ở đó có giáo viên"; ưu tiên hoàn thiện hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp khu vực biên giới; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng trường học thông minh, thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có phẩm chất, năng lực, tâm huyết; có cơ chế thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng giáo viên chất lượng cao, ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và khu vực biên giới. Đẩy mạnh xây dựng trường học hạnh phúc, tạo môi trường giáo dục an toàn, nhân văn, giàu bản sắc văn hóa; chăm lo phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống và khát vọng cống hiến cho học sinh; xây dựng thế hệ công dân Lào Cai có tri thức, bản lĩnh, sáng tạo, trách nhiệm và năng lực hội nhập.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo; nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, phấn đấu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học ở khu vực đô thị, mở rộng giảng dạy tiếng Trung tại khu vực biên giới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế cửa khẩu và hội nhập quốc tế.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực

Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng, gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Xây dựng Trường Cao đẳng nghề Yên Bái, Trường Cao đẳng Lào Cai và Trường Trung cấp dân tộc nội trú Nghĩa Lộ đạt chuẩn quốc gia, trở thành cơ sở đào tạo nghề hiện đại hàng đầu khu vực. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Từng bước sắp xếp, chuyển đổi mô hình hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo lộ trình.

Phối hợp mở rộng quy mô đào tạo trình độ đại học, sau đại học của Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai; tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo với các trường đại học trọng điểm quốc gia, các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước; chú trọng đào tạo ngoại ngữ cho lao động đi làm việc ở nước ngoài; thu hút các cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu đại học, trung tâm đào tạo chất lượng cao đầu tư, hoạt động trên địa bàn tỉnh; từng bước xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Đẩy mạnh đào tạo các ngành, nghề mới gắn với chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thương mại điện tử... đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và kinh tế tri thức. Hằng năm chọn cử học sinh, sinh viên tham gia các chương trình đào tạo theo địa chỉ, hoặc theo diện hiệp định đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh (như: Khoa học công nghệ, chuyển đổi

số, công nghệ thông tin, logistics, y tế, giáo dục, du lịch, quản trị công, các ngành kỹ thuật, ...) tại các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước, các nước có nền giáo dục phát triển trên thế giới; bảo đảm gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng và bố trí công tác sau đào tạo.

Triển khai hiệu quả mô hình hợp tác "3 Nhà" (Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp) trong đào tạo nguồn nhân lực; tăng cường đào tạo ngắn hạn, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số, kỹ năng công nghệ cho người lao động; đẩy mạnh đào tạo theo đặt hàng, theo nhu cầu thị trường lao động và nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế đặt hàng đào tạo giữa tỉnh với các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ lớn trong và ngoài nước; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng thực tế của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các ngành kinh tế trọng điểm. Thực hiện tuyển chọn học sinh, sinh viên có năng lực, cam kết hỗ trợ kinh phí đào tạo theo địa chỉ sử dụng; đồng thời có cơ chế ràng buộc trách nhiệm làm việc tại tỉnh sau đào tạo theo quy định của pháp luật.

Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đào tạo nghề (như: Đầu tư cơ sở vật chất, hướng dẫn thực hành, ...); gắn kết trách nhiệm giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, đặc biệt là trong việc đào tạo, tuyển dụng lao động; đẩy mạnh đào tạo tại doanh nghiệp đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao và đào tạo theo đơn đặt hàng, có địa chỉ sử dụng của doanh nghiệp nhằm tạo việc làm hiệu quả cho người học sau đào tạo. Đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo lại, đào tạo thường xuyên theo nhu cầu doanh nghiệp và xu hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ, kinh tế số; đổi mới phương thức đào tạo theo hướng "cầm tay chỉ việc". Chú trọng đào tạo kỹ năng nghề, ngoại ngữ, kỷ luật lao động để đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong và ngoài nước.

4. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh

4.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

Chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, nhất là cán bộ cấp cơ sở *"gọn về tổ chức, tinh về chất lượng, mạnh về năng lực, chuẩn về phẩm chất, hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ"*. Tập trung cơ cấu lại đội ngũ cán bộ theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, năng lực thực tiễn, phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ, thành thạo về kỹ năng, có năng lực thực tiễn, quyết liệt trong hành động, am hiểu về công tác xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, lấy hiệu quả công việc làm thước đo, gắn với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Đổi mới mạnh mẽ công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ theo vị trí việc làm, năng lực thực tiễn, sản phẩm công việc và yêu cầu chuyển đổi số; gắn xây dựng đội ngũ cán bộ với sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản trị địa phương, quản lý phát triển, chuyển đổi số, ngoại ngữ, hội nhập, công tác dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh... và kỹ năng lãnh đạo, điều hành, bám sát cơ sở; tiếp xúc, đối thoại, vận động, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, xử lý trực tiếp, hiệu quả các nhiệm vụ, công việc phát sinh trong thực tiễn.

Xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học - công nghệ và cán bộ chiến lược của tỉnh Lào Cai đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. Chú trọng phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng cán bộ có phẩm chất năng lực nổi trội; điều động, luân chuyển cán bộ trẻ, được đào tạo cơ bản, có phẩm chất, năng lực ở các cơ quan cấp tỉnh nhưng chưa qua thực tiễn ở địa phương để nâng cao kiến thức, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn; hình thành đội ngũ cán bộ kế cận, cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy chiến lược, năng lực đổi mới sáng tạo, khả năng dẫn dắt chuyển đổi số và đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Thường xuyên rà soát, sàng lọc, cơ cấu lại đội ngũ; kiên quyết thay thế kịp thời cán bộ năng lực yếu, thiếu trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đồng thời có cơ chế khuyến khích, bảo vệ, trọng dụng cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tạo môi trường, động lực để cán bộ đổi mới, sáng tạo, dấn thân, cống hiến, tận tụy phục vụ Nhân dân.

4.2. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ các ngành kinh tế động lực và các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh

Chủ động dự báo nhu cầu nguồn nhân lực theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn và các dự án trọng điểm; xây dựng cơ chế phát triển, thu hút, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực phù hợp với Quy hoạch tỉnh và yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực phục vụ các ngành, lĩnh vực động lực, trọng điểm của tỉnh, gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo; kinh tế cửa khẩu, logistics và thương mại quốc tế; du lịch chất lượng cao; nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các ngành dịch vụ hiện đại...

Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp về kỹ năng quản trị, điều hành doanh nghiệp theo hướng hội nhập. Xây dựng, phát triển đội ngũ lao động kỹ thuật có tay nghề cao ở một số ngành, lĩnh vực quan trọng trong sản

xuất, chế biến, thương mại, dịch vụ; khuyến khích các doanh nghiệp bố trí cho người lao động tham gia đánh giá để được công nhận kỹ năng nghề quốc gia; tổ chức đào tạo kỹ năng số, ngoại ngữ cho người lao động các doanh nghiệp.

Phát triển đồng bộ thị trường lao động; nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu lao động, kết nối việc làm và dịch chuyển lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của từng địa phương, từng ngành kinh tế và doanh nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp chủ động đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng số cho người lao động; xây dựng đội ngũ doanh nhân, chuyên gia, kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề và lao động có kỹ năng cao đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Xây dựng cơ chế thu hút, sử dụng và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, nhà quản lý, lao động kỹ thuật cao đến làm việc lâu dài tại tỉnh; tạo môi trường làm việc thuận lợi, khuyến khích đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, các ngành kinh tế và của tỉnh.

4.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tư duy số, kỹ năng số, năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành và thực thi công vụ; từng bước hình thành đội ngũ nhân lực nòng cốt về chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu và công nghệ mới cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; nâng cao năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ công và các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ gắn với phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

Tăng cường hợp tác với các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ và các tổ chức khoa học, công nghệ trong và ngoài tỉnh để đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ chuyên gia và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; có cơ chế thu hút, sử dụng chuyên gia, cán bộ khoa học - công nghệ trong những lĩnh vực tỉnh có nhu cầu, nhất là chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến và du lịch thông minh.

4.4. Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và khu vực biên giới

Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và khu vực biên giới theo hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, bảo đảm cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia. Quan tâm phát triển đội ngũ lao động có kỹ năng, người có uy tín, doanh nhân, hợp tác xã, chủ hộ sản xuất, kinh doanh và lực lượng nòng cốt ở cơ sở, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và nâng cao đời sống Nhân dân.

Có cơ chế khuyến khích, thu hút và tạo điều kiện để nguồn nhân lực đã qua đào tạo, nhất là người dân tộc thiểu số, trở về công tác, làm việc, khởi nghiệp và lập nghiệp tại địa phương; phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, doanh nhân, người có uy tín và lực lượng lao động trẻ trong chuyển giao khoa học, kỹ thuật, phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế biên giới và giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc.

Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ các lĩnh vực thiết yếu ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa và khu vực biên giới; từng bước khắc phục tình trạng thiếu nhân lực có trình độ, kỹ năng tại cơ sở, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, phát triển bền vững và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng trong tỉnh.

4.5. Thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng thực chất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện của tỉnh và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Ưu tiên thu hút, sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia, nhà quản lý, doanh nhân, trí thức, cán bộ khoa học - công nghệ, kỹ sư, lao động kỹ thuật cao trong các lĩnh vực tỉnh đang thiếu, các ngành kinh tế động lực, chuyển đổi số, y tế, giáo dục, logistics, du lịch, công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao và quản trị phát triển.

Đổi mới phương thức phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và giữ chân nhân tài; gắn chính sách đãi ngộ với vị trí việc làm, nhiệm vụ cụ thể, sản phẩm công việc, hiệu quả cống hiến và trách nhiệm phục vụ lâu dài cho tỉnh. Quan tâm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao từ học sinh, sinh viên xuất sắc, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, người lao động có tay nghề, năng lực thực tiễn và khát vọng cống hiến.

Đa dạng hóa hình thức thu hút nhân lực chất lượng cao thông qua tuyển dụng, hợp đồng chuyên gia, đặt hàng nhiệm vụ, tư vấn chính sách, chuyển giao

tri thức, chuyển giao công nghệ, đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác theo chương trình, dự án cụ thể. Khuyến khích người Lào Cai có trình độ cao đang học tập, công tác ngoài tỉnh và ở nước ngoài trở về hoặc tham gia đóng góp cho tỉnh bằng các hình thức phù hợp.

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, đổi mới sáng tạo; phát huy trách nhiệm người đứng đầu trong phát hiện, sử dụng, bảo vệ và trọng dụng người có năng lực, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tạo điều kiện để nhân lực chất lượng cao phát huy năng lực, gắn bó và đóng góp thiết thực vào mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh Lào Cai.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong phát triển nguồn nhân lực, gắn với yêu cầu hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế cửa khẩu và thực hiện các mục tiêu phát triển của tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế và các đối tác nước ngoài trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; tiếp thu tri thức, kinh nghiệm quản trị tiên tiến, chuyển giao khoa học, công nghệ và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số, quản trị hiện đại, văn hóa, nghệ thuật, du lịch, bảo tồn di sản và công nghiệp văn hóa; tăng cường cử cán bộ, công chức, viên chức, văn nghệ sỹ, nhân lực trẻ có triển vọng tham gia các chương trình đào tạo, thực tập, trao đổi học thuật ở nước ngoài. Tăng cường hợp tác với các tập đoàn công nghệ, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước để chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực số và nhân lực sáng tạo.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo; tạo điều kiện cử cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, học sinh, sinh viên tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi học thuật ở nước ngoài; khuyến khích thu hút chuyên gia, giảng viên, tình nguyện viên quốc tế tham gia giảng dạy, nghiên cứu, đào tạo tại tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo các chương trình hợp tác, hiệp định quốc tế; ưu tiên các ngành khoa học cơ bản, công nghệ, kỹ thuật và các lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới. Hỗ trợ đào tạo về kỹ năng nghề, ngoại ngữ và một số ngành nghề đặc thù đáp ứng yêu cầu để đưa lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài.

Phát huy lợi thế địa phương biên giới, tăng cường hợp tác với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và các địa phương, đối tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng

nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế cửa khẩu, logistics, thương mại, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng hội nhập và tác phong làm việc trong môi trường quốc tế cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đẩy mạnh hợp tác phát triển thị trường lao động; nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tăng cường kết nối cung - cầu lao động trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm, tăng thu nhập và thúc đẩy chuyển giao kỹ năng, kinh nghiệm cho lực lượng lao động của tỉnh.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và bảo đảm nguồn lực phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm thống nhất với chủ trương của Trung ương, phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới. Kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương về phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển giáo dục, đào tạo; đồng thời nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh đối với những lĩnh vực, ngành nghề và địa bàn có nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù về đào tạo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực đặc thù như khoa học công nghệ, chuyển đổi số, bảo tồn di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống, du lịch cộng đồng, công nghiệp văn hóa và quản trị du lịch, các ngành nghề tỉnh có nhu cầu cao. Xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong doanh nghiệp. Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù về hỗ trợ nhà ở, thu nhập, môi trường nghiên cứu, cơ hội phát triển nghề nghiệp; cơ chế khoán sản phẩm, thưởng sáng tạo, hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo nhằm thu hút, khuyến khích nhân lực chất lượng cao, nhất là các chuyên gia, lao động có kỹ năng nghề.

Ưu tiên bố trí, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển nguồn nhân lực; tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường huy động sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh vào phát triển nguồn nhân lực; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển nguồn nhân lực, gắn đào tạo với sử dụng lao động, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực; thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả các cơ chế, chính sách, chương trình,

đề án để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, bảo đảm việc tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ và trách nhiệm tổ chức thực hiện; ***hoàn thành trước 15/8/2026.***

- Rà soát, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và giai đoạn; tăng cường kiểm tra, giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện; thực hiện thường xuyên.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; phân công rõ trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương; ***hoàn thành trước 15/8/2026.***

- Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực theo định hướng của Nghị quyết; bố trí nguồn lực và tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm đồng bộ, hiệu quả; thực hiện thường xuyên.

- Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù về đào tạo nguồn nhân lực, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành ***(thời gian thực hiện: Trong giai đoạn 2026-2027).***

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ hằng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; tham mưu sơ kết, tổng kết Nghị quyết theo quy định.

3. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh

- Lãnh đạo Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường giám sát việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực; kịp thời đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu thực tiễn; thực hiện thường xuyên.

- Lãnh đạo Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia phát triển nguồn nhân lực; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết; thực hiện thường xuyên.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Đề án tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học - công nghệ và cán bộ chiến lược của tỉnh Lào Cai đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; ***hoàn thành trong tháng 7/2026.***

- Chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết thuộc lĩnh vực công tác cán bộ; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và đánh giá cán bộ; ***thực hiện thường xuyên.***

5. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót; ***thực hiện thường xuyên.***

6. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

- Chủ trì hướng dẫn việc học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết; ***hoàn thành trước ngày 20/7/2026.***

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan định hướng công tác tuyên truyền; chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và các nền tảng truyền thông của tỉnh tuyên truyền sâu rộng về mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả thực hiện Nghị quyết; thực hiện thường xuyên.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các ban, sở, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên tổng hợp VPTU;
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY LÀO CAI

Hoàng Giang